

PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VỀ TÔN GIÁO

LUƠNG TẬP^(*)

Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, 6 chương, 41 điều, đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam thông qua và Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo sẽ có hiệu lực từ ngày 15/11/2004. Đây là một văn bản pháp quy quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân trong điều kiện đất nước đang tiến hành công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, để hoà nhập vào sự phát triển chung của cộng đồng quốc tế.

Pháp lệnh này kế thừa những tư tưởng, chính sách lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Chính phủ từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 02/09/1945 đến nay.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; coi tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Tín ngưỡng, tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đạo đức, văn hoá tốt đẹp của tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân đã và đang được đảm bảo bằng pháp luật. Hiến pháp năm 1946, Điều 10, Khoản 4 quy định: “*Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng*”. Hiến pháp

năm 1959, Điều 26 quy định: “*Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Hiến pháp năm 1980, Điều 68 quy định: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*”.

So với Điều 10, Hiến pháp năm 1946 và Điều 26, Hiến pháp năm 1959 thì ngoài nội dung đã nêu, Điều 68, Hiến pháp năm 1980 còn quy định: “... *Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*”. Sở dĩ Điều 68, Hiến pháp năm 1980 phải quy định thêm như vậy vì sau giải phóng miền Nam năm 1975, trong khi nhân dân cả nước đang tập trung xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, thì một số phần tử phản động lợi dụng tôn giáo tiến hành các hoạt động vũ trang nhằm chống phá và lật đổ chính quyền cách mạng. Quy định này là điều cần thiết để đảm bảo trật tự xã hội vì lợi ích quốc gia.

Điều 50, Hiến pháp năm 1992 gắn quyền con người với quyền công dân. Quyền công dân được ghi trong Hiến pháp này là những quyền con người đã được thể chế hoá và được Nhà nước bảo đảm một cách đầy đủ nhất.

*. Ban Tôn giáo và Dân tộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đặc biệt, Điều 70, Hiến pháp năm 1992 còn quy định: “*Công dân có quyền tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*”.

Như vậy, Hiến pháp năm 1992 đã quy định đầy đủ về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế và đã được cụ thể hoá trong *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* ban hành năm 2004.

Điều 1, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* quy định: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.*”

Nhà nước đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật”. Còn trong Điều 4 của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* quy định: “*Chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, đình, đền, miếu, trụ sở tổ chức tôn giáo, các cơ sở đào tạo của tổ chức tôn giáo, những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp khác, kinh bản và các đồ dùng thờ cúng được pháp luật bảo hộ*”.

Những quy phạm pháp luật này mang tính nguyên tắc, nói lên cách ứng xử của Nhà nước ta đối với các tín ngưỡng, tôn giáo. Các tôn giáo được pháp luật thừa nhận đều được đối xử như nhau. Chúng ta sẽ tham khảo một vài điều luật cụ thể của một số quốc gia.

Điều 20, *Hiến pháp Nhật Bản* quy định: “*Quyền tự do tín ngưỡng được đảm bảo đối với mọi người. Không một tổ chức tôn giáo nào được hưởng những đặc ân của chính phủ và không tổ chức tôn giáo*

nào được sử dụng quyền chính trị. Không ai có thể bị cưỡng bách tham dự hội họp, lễ nghi tôn giáo. Chính phủ và công sở không phổ biến nền giáo dục thuộc về tôn giáo và cũng không có những hành vi tôn giáo”. Điều 1, *Hiến pháp Hợp chủng quốc Hoa Kỳ* cũng quy định: “*Quốc hội sẽ không thảo một đạo luật nào để thiết lập một tôn giáo hoặc để cấm đoán tự do tôn giáo*”.

Điều 1, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* của Việt Nam quy định: “*Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau*”. Điều luật này quy định những người có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo và những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau. Đây là một quy định nhân bản nhằm đoàn kết toàn dân trong một cộng đồng dân tộc có nhiều tín ngưỡng, tôn giáo. Bởi vì, trước khi là tín đồ tôn giáo họ đều là công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Dù bất kì ở đâu, dù bất kì lúc nào và dù đang làm gì, họ đều phải coi trọng sự đoàn kết, một trong những truyền thống tốt đẹp lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Việc Nhà nước bảo hộ tài sản các tổ chức tôn giáo được Điều 70, *Hiến pháp 1992* quy định: “*... Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ*”. Với *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, vấn đề này được thể hiện chi tiết hơn tại Điều 4 và đặc biệt là Điều 26: “*Tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm việc xâm phạm tài sản đó*”.

Nhằm chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào những mục đích chính trị vụ lợi, gây mất ổn định và an toàn xã hội, Điều 70, *Hiến pháp 1992* quy định: “*Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín*

ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Điều 8, Khoản 2 *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* quy định rõ hơn: "Không được lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác".

Hoạt động tín ngưỡng của người có tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo của tín đồ, nhà tu hành, chức sắc đã được *Pháp lệnh* quy định từ Điều 9 đến Điều 15 của Chương II. Đây là những quy định về việc công dân có đạo tự do bày tỏ đức tin, thực hiện các lễ nghi thờ cúng, cầu nguyện, tham gia các hình thức sinh hoạt, phục vụ lễ nghi tôn giáo, học tập các giáo lí của tôn giáo mà mình đang theo; chức sắc, nhà tu hành được thực hiện các lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, được giảng đạo, truyền đạo tại các cơ sở tôn giáo và việc thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo ngoài cơ sở thờ tự. Những quy định này hoàn toàn phù hợp với luật pháp quốc tế. Chúng ta sẽ tham khảo vài điều của công ước quốc tế:

- Điều 10 *Tuyên ngôn Nhân quyền* ngày 14/7/1789 của Pháp nêu rõ: "Mỗi người đều được phát biểu tư tưởng tự do, về tôn giáo cũng vậy, miễn là những tư tưởng phát biểu đó không làm tổn thương đến nền trật tự công cộng đã được pháp luật ấn định phân minh".

- Điều 18^a *Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền* ngày 10/12/1948 ghi: "Người nào cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do tín

ngưỡng, những quyền này bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo mình đã và đang theo. Người nào cũng được quyền truyền bá tôn giáo hoặc phô diễn tín ngưỡng của mình trong địa hạt giảng dạy giáo lí và hành lễ".

- Điều 18 Công ước Quốc tế về quyền con người:

Khoản 1: "Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm tự do theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và giảng đạo".

Khoản 2: "Không một ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng".

Khoản 3: "Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khoẻ hoặc đạo đức của công chúng hoặc những quyền tự do cơ bản của người khác".

Chính sách tôn giáo của Chính phủ Trung Quốc được thực hiện theo 3 nguyên tắc:

1/ Tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

2/ Quản lí tôn giáo theo pháp luật.

3/ Chỉ dẫn, hướng dẫn tôn giáo hoạt động phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo bằng pháp luật ở Việt Nam được thể hiện rõ nhất trong việc công nhận tư cách pháp nhân các tôn giáo. Cho đến nay, đã có 15 tổ chức tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động là: Giáo hội Công giáo, Giáo hội Phật giáo, Hội thánh

Tin Lành Việt Nam (miền Nam), Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc), 9 hệ phái Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo và cộng đồng Hồi giáo thành phố Hồ Chí Minh. Còn một vài tổ chức hệ phái của các tôn giáo khác cũng đang được Nhà nước xem xét để công nhận tư cách pháp nhân.

Nhà nước đã cho phép các tôn giáo mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành: 3 học viện Phật giáo, 6 đại chủng viện của Công giáo, 1 viện Thánh kinh thần học của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam). Ngoài ra, 40 trường lớp - từ cơ bản, sơ cấp, trung cấp đến cao đẳng - của các tôn giáo đã được Nhà nước cho phép hoạt động.

Về xuất bản kinh sách và đồ dùng phục vụ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo: hiện đã có 3 nhà xuất bản giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi trong xuất bản các tác phẩm, kinh sách tôn giáo. Đặc biệt, Nhà xuất bản Tôn giáo, trong 2 năm 2000 và 2001 đã xuất bản được 400 đầu sách kinh sách tôn giáo, trong đó có những công trình đồ sộ như bộ kinh Koran (song ngữ Việt - Ả-rập) của Hồi giáo, bộ Đại Tạng Kinh của Phật giáo, v.v...

Về cơ sở thờ tự: hiện nay ở nước ta có 21.294 chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, nhà nguyện... của các tôn giáo đã được trùng tu, tân tạo khang trang, đẹp đẽ và giữ được dáng vẻ tôn nghiêm.

Về chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo: có 59.110 vị. Trước năm 1975, số lượng nhà tu hành Phật giáo khoảng gần 15.000 vị thì nay đã có 38.866 vị, trong đó hàng trăm vị có bằng thạc sĩ, tiến sĩ, hàng ngàn vị tốt nghiệp cử nhân (kể cả đào tạo, tốt nghiệp ở nước ngoài). Về đạo

tiếp theo (1945-1975) con số cũng chỉ là 33 vị. Trong khi đó, từ năm 1975 đến nay, đã có 42 vị giám mục được thụ phong, có vị ở độ tuổi 40. Số linh mục ở nước ta hiện nay là 2.410 vị, trong đó 1.188 vị được phong từ trước năm 1975...

Những số liệu trên đã chứng minh sự nhất quán trong việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân của Đảng và Nhà nước ta.

Sau khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được công bố, đại đa số chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo hoan nghênh sự ra đời kịp thời của Pháp lệnh đáp ứng nguyện vọng của những người có tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến băn khoăn, chờ đợi sự cụ thể hoá trong nghị định hướng dẫn thực hiện *Pháp lệnh*, e ngại cơ chế “xin, cho” có thể gây khó khăn cho các hoạt động tôn giáo.

Những băn khoăn trên của một số chức sắc, nhà tu hành là chính đáng vì *Pháp lệnh* khó có thể thể hiện đầy đủ nội dung ngôn từ như một bộ luật. Nhưng từ sự kế thừa các chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước trước đây, sự bổ sung những ý kiến đã đóng góp của các chức sắc, nhà tu hành, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản đã đáp ứng nguyện vọng của tín đồ các tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế. Quá trình thực hiện *Pháp lệnh* chắc sẽ có bổ sung, điều chỉnh cho đúng với tình hình thực tế. *Pháp lệnh* ra đời sẽ làm cơ sở cho việc xây dựng Bộ luật về tôn giáo sau này./.

Công giáo, trong 80 năm (1862-1945) Vatican chỉ phong phẩm và bổ nhiệm 4 giám mục người Việt Nam, trong 30 năm